

Bản án số: 14/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 28-3-2022

“V/v ly hôn và yêu cầu nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ QUAO, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Danh Thị Kiều Oanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Hạnh

2. Ông Nguyễn Hiếu Nghĩa

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thùy Linh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Quao tham gia phiên tòa: ông Võ Hoàng Hát – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 3 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang, đưa ra xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 220/2021/TLST- HNGĐ ngày 01 tháng 12 năm 2021 về việc “ly hôn và yêu cầu nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 22/2/2022 giữa:

*** Nguyên đơn:** chị Thị Kim Nh, sinh năm 1981

Địa chỉ: ấp Th, xã L, huyện G, tỉnh Kiên Giang

*** Bị đơn:** anh Danh Bồ N, sinh năm 1977

Địa chỉ: ấp Th, xã L, huyện G, tỉnh Kiên Giang

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** chị Nguyễn Thị Mỹ Ph, sinh năm 1980

Địa chỉ: ấp Hòa An, xã L, huyện G, tỉnh Kiên Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 04/3/2021 và tại phiên tòa nguyên đơn chị Thị Kim Nh trình bày:** Chị và anh Danh Bồ N sống chung với nhau từ năm 2001, không có tổ chức đám cưới nhưng có đăng ký kết hôn trễ hạn vào ngày 14/6/2016 tại UBND xã L, huyện G, tỉnh Kiên Giang. Vợ chồng chị sống hạnh phúc được 11 năm thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do hai người không hợp bất đồng quan điểm trong cuộc sống dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi nhau gây mất hạnh phúc, chị không thể tiếp tục sống chung với anh N được nữa nên chị đã thuê nhà trọ ở sống ly thân với anh N từ tháng 12/2021 đến nay, Tuy nhiên, trong thời gian chị ở nhà trọ anh N còn đến quấy rối, đập phá cửa phòng trọ chị ở, chị đã suy nghĩ rất kỹ là không thể hàn gắn hôn nhân này được nữa, vì chị không còn tình cảm với anh N nên chị yêu cầu ly hôn với anh N.

Về con chung chị và anh N có ba người con chung tên Danh Nhật T, sinh ngày 5/10/2003, Danh Thanh Nh, sinh ngày 21/01/2008 và Danh Phú Q, sinh ngày 11/5/2015. Tài sản chung vợ chồng tự thỏa thuận.

Về nợ chung vợ chồng chị có nợ chị Nguyễn Thị Mỹ Ph số tiền 90.000.000 đồng (chín mươi triệu đồng), ngoài ra không còn khoản nợ nào khác.

Tại phiên tòa chị Nh yêu cầu Tòa án giải quyết về hôn nhân cho chị được ly hôn với anh Danh Bồ N. Về con chị yêu cầu được nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục hai con Danh Thanh Nh, sinh ngày 21/01/2008 và Danh Phú Q, sinh ngày 11/5/2015; chị không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con. Còn đối với Danh Nhật T, sinh ngày 5/10/2003 đã trưởng thành trên 18 tuổi nên chị không yêu cầu gì. Về tài sản chung chị và anh N tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết. Còn về phần nợ chị Ph để chị và chị Ph tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Tại bản tự khai đề ngày 15/2/2022 và tại phiên hòa giải bị đơn anh Danh Bồ N trình bày:** Anh và chị Thị Kim Nh sống chung với nhau từ năm 2001, không có tổ chức đám cưới nhưng có đăng ký kết hôn trễ hạn vào ngày 14/6/2016 tại UBND xã L, huyện G, tỉnh Kiên Giang. Vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do vợ đi làm thường xuyên không về nhà, ít quan tâm đến gia đình con cái dẫn đến vợ chồng cãi nhau. Anh và chị Nh có ba người con chung tên Danh Nhật T, sinh ngày 5/10/2003, Danh Thanh Nh, sinh ngày 21/01/2008 và Danh Phú Q, sinh ngày 11/5/2015.

Nguyễn vọng: về hôn nhân anh N không đồng ý ly hôn với chị Nh vì anh còn thương vợ con muốn vợ chồng đoàn tụ. Nếu vợ cương quyết ly hôn thì về con là tùy theo nguyện vọng của con muốn ở với ai thì ở, còn Danh Nhật T đã trưởng thành trên 18 tuổi nên anh không yêu cầu gì. Về tài sản chung và nợ chung anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị Mỹ Ph trình bày:** Chị Thị Kim Nh có mượn của chị số tiền 90.000.000 đồng (chín mươi triệu đồng) từ tháng 6/2021 đến nay chưa trả. Nay vợ chồng chị Nh và anh N ly hôn thì số tiền nợ này để chị và chị Nh tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, người tham gia tố tụng; việc thu thập tài liệu, chứng cứ, cấp tổng đạt văn bản tố tụng cho người tham gia tố tụng và Viện kiểm sát đúng quy định. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử, Thư ký, nguyên đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chấp hành đúng và đầy đủ các quy định của pháp luật tố tụng dân sự; còn riêng bị đơn chưa chấp hành tốt.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 131 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về hôn nhân chấp nhận cho chị Nh được ly hôn với anh N; về con chung giao hai con tên Danh Thanh Nh, sinh ngày 21/01/2008 và Danh Phú Q, sinh ngày 11/5/2015 cho chị Nh tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục; về tài sản chung, nợ chung và về cấp dưỡng nuôi con do các đương sự không yêu cầu nên Viện kiểm sát không đề nghị.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ và toàn diện các chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Chị Thị Kim Nh khởi kiện ly hôn với anh Danh Bồ N và yêu cầu nuôi con là vụ án tranh chấp ly hôn và nuôi con nên Tòa án nhân dân huyện Gò Quao thụ lý, giải quyết là phù hợp tại các Điều 28, Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Anh Danh Bồ N với tư cách là bị đơn trong vụ án đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vắng mặt không có lý do nên căn cứ khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án vẫn được xét xử theo quy định.

Chị Nguyễn Thị Mỹ Ph là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nhưng chị Ph có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, xét việc vắng mặt chị Ph không gây trở ngại khi xét xử vụ án nên căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 vụ án vẫn được xét xử là phù hợp.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về hôn nhân: Chị Thị Kim Nh xác lập quan hệ hôn nhân với anh Danh Bồ N vào năm 2001, hôn nhân tự nguyện, không có tổ chức đám cưới nhưng có làm thủ tục đăng ký kết hôn trễ hạn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện G, tỉnh Kiên Giang theo giấy chứng nhận kết hôn số 66, quyển sổ 01/2006 ngày 14 tháng 6 năm 2006, cho nên theo quy định tại Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 được sửa đổi, bổ sung năm 2010 thì hôn nhân của anh chị là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ.

[2.2] Xét yêu cầu khởi kiện của chị Nh là chị có nguyện vọng được ly hôn với anh Bồ N lý do hai người không hợp bất đồng quan điểm trong cuộc sống dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi nhau gây mất hạnh phúc, chị không thể tiếp tục sống chung với anh N nên chị đã thuê nhà trọ ở sống ly thân với anh N từ tháng 12/2021 đến nay. Chị xác định hôn nhân của anh chị đã không còn hạnh phúc và không thể kéo dài được nữa nên chị cương quyết ly hôn với anh N. Còn anh N thì không đồng ý ly hôn và anh yêu cầu vợ chồng đoàn tụ vì anh còn thương vợ con. Tòa án đã tiến hành hòa giải động viên nhằm cho hai bên hàn gắn lại hôn nhân thể hiện tại Phiên hòa giải đề ngày 22 tháng 2 năm 2022 nhưng vẫn không có kết quả. Tại phiên tòa, chị Nh đã tỏ rõ thái độ cương quyết ly hôn với anh N. Hội đồng xét xử thấy rằng hôn nhân của anh chị đã trở nên trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nh.

[2.3] Về con chung: chị Nh và anh N đều khai có ba người con chung tên Danh Nhật T, sinh ngày 5/10/2003, Danh Thanh Nh, sinh ngày 21/01/2008 và Danh Phú Q, sinh ngày 11/5/2015. Xét về yêu cầu nuôi con thì chị Nh yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục hai con tên Danh Thanh Nh và Danh Phú Q. Còn anh N cũng không tranh chấp về việc nuôi con, con muốn ở với ai thì ở. Tuy nhiên, Danh Thanh Nh và Danh Phú Q đều có nguyện vọng muốn được tiếp tục sống chung với mẹ. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng Điều 81, 82 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 giao con tên Danh Thanh Nh và Danh Phú Q cho chị Nh tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp với thực tế, đúng với

nguyện vọng của cháu Thanh Nh và Phú Q, không trái đạo đức xã hội, đúng quy định pháp luật. Còn Danh Nhật T, sinh ngày 5/10/2003 đã trưởng thành trên 18 tuổi nên chị Nh và anh N không yêu cầu Tòa án giải quyết do đó HĐXX miễn xét.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Nh không yêu cầu anh N cấp dưỡng nên HĐXX miễn xét.

[2.4] Về tài sản chung: Chị Nh và anh N tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

Về nợ chung: Chị Nh, anh N và chị Mỹ Phương không yêu cầu Tòa án giải quyết do đó HĐXX không xem xét.

[3] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Quao về việc giải quyết vụ án là phù hợp nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí hôn nhân sơ thẩm bằng 300.000đồng chị Nh phải nộp do chị có yêu cầu xin ly hôn.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, Điều 35, Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 11 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000 được sửa đổi, bổ sung năm 2010; Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 131 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về hôn nhân: chấp nhận cho chị Thị Kim Nh được ly hôn với anh Danh Bô N.

2. Về con chung: Giao hai con tên Danh Thanh Nh, sinh ngày 21/01/2008 và Danh Phú Q, sinh ngày 11/5/2015 cho chị Thị Kim Nh tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Còn Danh Nhật T, sinh ngày 5/10/2003 đã trưởng thành trên 18 tuổi nên chị Nh và anh N không yêu cầu Tòa án giải quyết do đó HĐXX miễn xét. Chị Nh không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con nên HĐXX miễn xét.

Anh chị có quyền làm đơn xin thay đổi quyền nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật. Anh N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Miễn xét.

4. Về án phí HNST: Về án phí hôn nhân sơ thẩm bằng 300.000đồng chị Thị Kim Nh phải nộp do chị có yêu cầu ly hôn nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp trước đây là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0006543 ngày 01/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang. Như vậy chị Nh đã nộp đủ án phí hôn nhân sơ thẩm.

Báo cho chị Nh được biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án là ngày 28/3/2022. Báo cho anh N biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

“Trường hợp bản án quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, Điều 9, Điều 7, Điều 7a, 7b Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

TM/. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THỘM
THỘM PHÂN-CHỖ TỌA PHIÊN TỌA

Nơi nhận :

- Tòa án tỉnh;
- VKS huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- Các đ-ơng sự;
- L- u hồ sơ.

(Đã ký)

Danh Thị Kiều Oanh